

Week 03

Unit 2: Personal Information

Section B. My birthday

Period 9: B1, B2, B3

*** Vocabulary:**

first	Số thứ tự thứ 1
second	Số thứ tự thứ 2
third	Số thứ tự thứ 3
fifth	Số thứ tự thứ 5
twelfth	Số thứ tự thứ 12
twentieth	Số thứ tự thứ 20
thirtieth	Số thứ tự thứ 30
month (n)	tháng
January	tháng 1, tháng giêng
February	tháng 2
March	Tháng 3
April	Tháng 4
May	Tháng 5
June	Tháng 6
July	Tháng 7
August	Tháng 8
September	Tháng 9
October	Tháng 10
November	Tháng 11
December	tháng 12, tháng chạp
September 2 nd = the second of September	Ngày 2 tháng 9

Phần này các em làm vào sách : B2 (p.20)

- 1) The first of July.
- 2) The nineteenth
- 3) The sixth
- 4) The fourteenth
- 5) The seventeenth
- 6) The thirty-first

*** Remember**

<i>cardinal numbers + th = ordinal numbers</i>

Note: July 1st = the first of July

Homework: Học từ vựng, làm bài tập bên dưới và xem lại các cấu trúc câu đã học.

Phương pháp học:

- Từ vựng: Các em học từ vựng bằng cách đọc nó nhiều lần và viết ra giấy nháp nhiều lần từ tiếng anh và nghĩa tiếng việt cho đến khi nào thuộc. Nếu quên cách đọc hoặc không biết đọc từ đó thì tra từ điển hoặc trên google dịch.
- Cấu trúc câu: tự học công thức của số đếm chuyển sang số thứ tự, đọc nhiều lần cho thuộc và làm bài tập.

Exercises:

*** MULTIPLE CHOICE:**

- 1- Which is the _____ month of the year? – March. (three, third, fifth)
- 2- Which is the ninth month of the year ? - _____. (September , November, February)
- 3- Her birthday is on the _____ of July. (twelve, twelfth, twelveth)
- 4- It's on Friday, June _____. (nineteenth, nineteen, ninteenth)
- 5- December is the _____ month. (twelve, twelveth, twelfth)